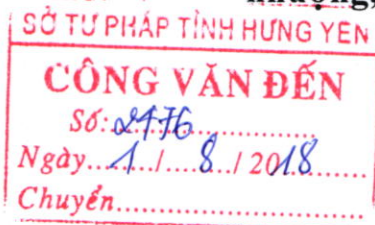


Số: 146 /2018/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê, chuyển nhượng, thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn được đầu tư bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 237/1998/QĐ-TTg ngày 03/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả đầu ra 08 tỉnh Đồng bằng sông Hồng

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; Thông tư 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 54/2013 ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính.

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 11/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 250/BC-BKTNS ngày 11/7/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận và biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê, chuyển nhượng, thanh lý công trình cấp

nước sạch tập trung nông thôn được đầu tư bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định, gồm các công trình sau:

1. Công trình cấp nước đầu tư bằng nguồn vốn thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn gồm: 16 công trình.

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Công trình cấp nước đầu tư bằng nguồn vốn thuộc Chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn ngân hàng thế giới gồm: 10 công trình

(Có Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 2. Quá trình thực hiện cần đảm bảo các quy định sau:

1. Việc điều chuyển, cho thuê, chuyển nhượng, thanh lý các công trình cấp nước sạch từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

2. Quá trình thu hồi vốn Nhà nước đã đầu tư trong từng công trình cấp nước sạch và các trình tự, thủ tục tiến hành phải đảm bảo chặt chẽ theo quy định của pháp luật; bảo đảm vốn thu hồi không thấp hơn nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã đầu tư cho công trình. Trường hợp không thu hồi được bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã đầu tư thì báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực HĐND tỉnh trước khi thực hiện. Định kỳ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát các dự án đầu tư công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh (kể cả các công trình đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước) để quản lý, chỉ đạo phát huy hiệu quả cao nhất các dự án cấp nước sạch nhằm phục vụ dân sinh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này nếu có quy định của pháp luật mới thay thế hoặc có vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp thứ Sáu, thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./. *trung*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác DB thuộc UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài Chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện, TP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Tuyên

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
(Kèm theo Nghị quyết số 146/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

g 4/4/2016 13:20:13 Ng HBNĐ ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên dự án	Công suất (m3/ng.đ)	Công suất thực tế (m3/ng.đ)	Giá trị dự toán			Thời gian bắt đầu cấp nước	Số xã cấp nước theo dự án	Số đầu nổi thực tế
				Giá dự toán (trừ dự phòng)	Trong đó				
					Vốn nhà nước (theo quyết toán)	Vốn do doanh nghiệp và dân góp (chưa quyết toán)			
1	Nhà máy nước sạch thị trấn Trần Cao	720	700	8.418	8.330		2005	1	500
2	Nhà máy nước sạch thị trấn Lương Bằng	600	600	8.000	8.000		2001	1	1.000
3	Nhà máy nước sạch xã Hồng Tiến	880	900	2.081	1.652	429	2002	1	800
4	Nhà máy nước sạch xã Ngọc Thanh	600	300	3.670	3.232	438	2005	1	500
5	Nhà máy nước sạch xã Thụy Lôi	718	450	2.664	2.319	345	2005	1	750
6	Nhà máy nước sạch thị trấn Yên Mỹ	1.290	2.500	4.252	3.897	355	2008	1	2.500
7	Nhà máy nước sạch thị trấn Văn Giang	980	900	4.049	3.057	992	2008	1	1.100
8	Nhà máy nước sạch xã Dị Sử	970	900	4.054	3.800	254	2009	1	1.400
9	Nhà máy nước sạch xã Bình Minh	900	900	11.599	8.345	3.254	2009	1	1.250
10	Nhà máy nước sạch xã Chi Đạo	800	600	6.955	5.396	5.000	2010	1	500
11	Nhà máy nước sạch xã Bạch Sam	880	500	8.313	7.560	1.500	2010	1	800
12	Nhà máy nước sạch xã Quang Hưng	900	200	10.433	7.509	2.924	2012	1	330
13	Nhà máy nước sạch xã Phạm Ngũ Lão	900	700	11.765	9.684	5.000	2012	1	1.200
14	Nhà máy nước sạch xã Hồng Quang	910	700	13.486	11.610	1.876	2012	1	1.400
15	Nhà máy nước sạch liên xã Tân Việt - Lý Thường Kiệt	2.300	700	39.978	20.075	19.903	2015	2	800
16	Nhà máy nước sạch xã Dân Tiến	1.500	300	35.386	22.469	12.917	2015	1	500
	Cộng	15.848	11.850	175.103	126.935	55.187		17	15.330



Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH SÁCH CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH
NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ TẠI 08 TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (CHƯƠNG TRÌNH PFORR)

(Kèm theo Nghị quyết số 146 /2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên dự án	Công suất m3/ng.đ	Giá trị Dự toán công trình đợt I (tr.đ)	Giá trị Dự toán công trình đợt II (Tr.đ)	Thời gian thi công trình đợt II	Tổng giá trị dự toán đợt I+ đợt II (đv: Triệu đồng)				Số xã được cấp nước	Số đầu nối theo thiết kế		Số đầu nối hiện tại	Ghi chú
						Tổng cộng	Cấp phát 60%	Vay lại 30%	Dân góp 10%		Các công trình đợt I	Các công trình đợt II		
1	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phụng Công	1.200	24.913			24.913	14.948	7.474	2.491	1	1.683	-	1.110	
2	Hệ thống cấp nước tập trung xã Long Hưng và Nối mạng cấp nước các xã: Tân Tiến, Cừ Cao	2.750	37.222	36.680	2017-2018	73.902	44.341	22.171	7.390	3	3.113	4.774	1.600	
3	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nhân Hòa và Nối mạng cấp nước xã Cẩm Xá	1.800	31.196	16.559	2017-2018	47.755	28.653	14.327	4.776	2	1.689	1.740	510	
4	Hệ thống cấp nước tập trung xã Trung Trắc và Nối mạng cấp nước các xã: Tân Quang, Đình Dù	2.110	34.198	31.957	2017-2018	66.155	39.693	19.847	6.616	3	2.020	3.537	200	
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Trung Hưng và Nối mạng cấp nước xã Thanh Long	1.320	27.549	15.067	2018	42.616	25.570	12.785	4.262	2	1.534	1.900	200	
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Thịnh và Nối mạng cấp nước xã Thọ Vinh	1.200	29.060	14.261	2017-2018	43.321	25.993	12.996	4.332	2	1.480	1.689	-	

Thị

7	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Thuần Hưng - Đại Hưng và Nối mạng cấp nước các xã: Thành Công, Nhuế Dương; Tuyến ống nước thô lấy nước sông Hồng	2.200	52.156	31.966	2017-2018	84.122	50.473	25.237	8.412	4	3.650	2.520	2.500	
8	Hệ thống cấp nước tập trung xã Minh Tân và Nối mạng cấp nước xã Phan Sào Nam	910	23.245	11.155	2017-2018	34.400	20.640	10.320	3.440	2	1.048	1.387	950	
9	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Hưng Đạo - Minh Hoàng và Nối mạng cấp nước xã Ngô Quyền, Xây dựng tuyến ống nước thô lấy nước sông Luộc	1.700	46.146	28.215	2018	74.361	44.617	22.308	7.436	3	2.350	1.215	1.100	
10	Hệ thống đường ống cấp nước xã Bãi Sậy (Nối mạng cấp nước từ nhà máy nước thị trấn Ân Thi, cấp nguồn từ Nhà máy nước Phùng Hưng, huyện Khoái Châu)	1.200	17.527	12.649	2017-2018	12.000	7.200	3.600	1.200	2	1.900	1.458	-	Dự án phê duyệt bao gồm Công trình xử lý nước xây dựng tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi và Nối mạng cấp nước xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi. Hiện nay UBND tỉnh chỉ đạo cất thi công khu xử lý và đường ống xã Phù Ủng, do dân xã Phù Ủng không đồng thuận giải phóng mặt bằng
Cộng		16.390	323.212	198.509		503.545	302.127	151.064	50.355	24	20.467	20.220	8.170	



Handwritten signature